

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 192/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 03 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Công khai dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình HĐND tỉnh năm 2019

SỐ TÀI CHÍNH QUẢNG NAM

CÔNG VĂN ĐỀN

Ngày 07-12-2018

Số:.....

Ngày 07-12-2018

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND tỉnh đã có Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 27/11/2018 về việc Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Nay, UBND tỉnh công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2019 trình HĐND tỉnh; công khai thuyết minh ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, điều 7 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, như sau:

I. VỀ DỰ TOÁN THU NĂM 2019

Năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội trong nước có những thuận lợi như: đà tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2018, nền kinh tế vĩ mô được củng cố cùng với sự quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính đã và đang tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Căn cứ Chỉ thị của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính về dự toán năm 2019, Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách năm 2019;

Trên cơ sở ước thực hiện thu NSNN năm 2018, phân tích các yếu tố tác động và dự báo nguồn thu phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2019; UBND tỉnh xét thấy dự toán thu NSNN năm 2019 Trung ương giao là 23.144 tỷ đồng, tăng 17,6% so dự toán năm 2018, trong đó thu nội địa 18.544 tỷ đồng, tăng 19,8% so dự toán năm 2018 là ở mức cao so với thực lực nguồn thu phát sinh trên địa bàn tỉnh (nguồn thu từ ô tô khó có khả năng tăng trưởng như các năm trước do cạnh tranh với xe ô tô nhập khẩu, thu từ hoạt động thủy điện đang khó khăn do khô hạn...) do vậy UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh dự toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2019 bằng số Trung ương giao.

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2019

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2019 là 23.144 tỷ đồng, tăng 17,6% dự toán năm 2018 và tăng 6,4% so với ước thực hiện năm 2018. Cụ thể:

DVT: Tỷ đồng

Số TT	Chi tiêu	DT 2018	UTH 2018	DT 2019	DT 2019/DT 2018 (%)	DT 2019/UTH 2018 (%)
	Tổng cộng	19.676	21.745	23.144	117,6	106,4
1	Thu nội địa	15.476	17.274	18.544	119,8	107,3
1.1	Thu tiền sử dụng đất	700	912	800	114,3	87,7
1.2	Thu từ XSKT	76	80	85	118,4	106,3
1.3	Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất và thu XSKT.	14.700	16.282	17.659	120,1	108,4
2	Thu xuất nhập khẩu	4.200	4.471	4.600	109,5	102,8

a) Thu nội địa

Dự toán thu nội địa năm 2019 là 18.544 tỷ đồng, tăng 19,8% so dự toán thu nội địa năm 2018 và tăng 7,3% so với ước thực hiện thu nội địa năm 2018; thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu XSKT là 17.659 tỷ đồng, tăng 20% so dự toán năm 2018 và tăng 8,4 % so với ước thực hiện năm 2018.

Cụ thể các nguồn thu chủ yếu sau:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: dự toán năm 2019 là 925 tỷ đồng, tăng 2,6% dự toán và ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu ở khu vực này chủ yếu là số thu nộp từ các doanh nghiệp thủy điện (chiếm 70,2% số thu ở khu vực này), nhưng năng lực sản xuất phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thời tiết. Trên cơ sở đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh thực tế qua các năm, dự kiến sản lượng phát điện năm 2019 là 3.425 triệu kwh, với số nộp ngân sách: 620 tỷ đồng, bằng 96,7% ước thực hiện năm 2018.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: dự toán năm 2019 là 130 tỷ đồng, bằng dự toán và ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu ở khu vực này có xu hướng giảm do một số doanh nghiệp thực hiện chủ trương cổ phần hóa và thoái vốn không còn vốn nhà nước, một số doanh nghiệp trọng điểm kinh doanh hiệu quả không cao (Đội Yến sào Hội An, Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam, Công ty phát triển hạ tầng KCN Chu Lai ...), nên không có tăng trưởng so với năm 2018.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: dự toán năm 2019 là 1.770 tỷ đồng, tăng 34,8% so dự toán và tăng 11% so với ước thực hiện năm 2018. Nguồn thu ở khu vực này có tăng trưởng cao là do hoạt động của Nhà máy Bia Heneiken Việt Nam - Quảng Nam (chiếm 63% số thu ở khu vực này) hoạt động ổn định và có tăng trưởng, dự kiến trong năm 2019 sản lượng tiêu thụ đạt 110 triệu lít và số thuế TTĐB nộp ngân sách đạt 1.200 tỷ đồng; ngoài ra các

doanh nghiệp trong khối này đa số hoạt động ổn định và có tiềm năng tăng trưởng.

- Thu từ khu vực CTN và dịch vụ NQD: dự toán năm 2019 là 12.363 tỷ đồng, tăng 14,8% so dự toán và tăng 9,4% so với ước thực hiện năm 2018.

Nguồn thu chủ lực trong lĩnh vực này là số thu phát sinh từ hoạt động của Công ty CP Ô tô Trường Hải (chiếm 77,5% số thu khu vực này). Dự báo năm 2019, khi các thủ tục nhập khẩu ô tô du lịch theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ được đáp ứng, sản lượng xe ô tô du lịch nhập khẩu sẽ tăng, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ ô tô du lịch sản xuất và lắp ráp của Trường Hải, nên tính dự toán số nộp ngân sách là 9.583 tỷ đồng.

- Lệ phí trước bạ: dự toán năm 2019 là 340 tỷ đồng, tăng 36% so dự toán và tăng 12,5% so với ước thực hiện năm 2018; năm 2019, lệ phí trước bạ xe ô tô, xe máy ổn định và tăng trưởng theo mức tăng thu nhập của người dân và dự báo số thu lệ phí trước bạ nhà đất cũng tăng do mức giá đất xây dựng mới tăng hơn bảng giá đất cũ.

- Thuế thu nhập cá nhân: dự toán năm 2019 là 500 tỷ đồng, tăng 31,5% so dự toán và tăng 10,6% ước thực hiện năm 2018; năm 2019, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng lên 1.490.000 đồng/tháng, nên thuế thu nhập cá nhân tăng; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản cũng tăng.

- Thu phí, lệ phí: dự toán năm 2019 là 350 tỷ đồng, tăng 7% ước thực hiện năm 2018, trong đó phí tham quan Đô thị cổ Hội An và Đền tháp Mỹ Sơn là 230 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: dự toán năm 2019 là 800 tỷ đồng, tăng 14,3% so dự toán và 87,8% so ước thực hiện năm 2018, do dự báo thị trường bất động sản không thuận lợi như năm 2018.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước: dự toán năm 2019 là 65 tỷ đồng, tăng 18,2% so dự toán năm 2018. Khoản thu này xây dựng dựa trên các quyết định cấp quyền khai thác khoáng sản đã được ban hành.

b) Thu thuế xuất nhập khẩu: dự toán năm 2019 là 4.600 tỷ đồng, tăng 9,5% so dự toán năm 2018 và tăng 2,8% so ước thực hiện năm 2018.

Cụ thể:

- Kế hoạch thu thuế xuất nhập khẩu phát sinh từ Công ty CP Ô tô Trường Hải năm 2019 là 5.394 tỷ đồng, tăng 4,4% so số phát sinh năm 2018; số hoàn thuế theo chương trình ưu đãi thuế tại Nghị định 125/2017/NĐ-CP của Chính phủ trong năm 2019 dự kiến là 1.100 tỷ đồng, số còn lại nộp vào NSNN là 4.294 tỷ đồng (5.394 tỷ đồng - 1.100 tỷ đồng)

- Các mặt hàng còn lại: máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất vôi, nguyên vật liệu sản xuất gạch men, hạt nhựa, nhựa đường, bột soda,... số thu là 306 tỷ đồng.

2. Thu ngân sách địa phương

Dự toán thu cân đối ngân sách địa phương năm 2019 là 22.616 tỷ đồng.

Trong đó:

- a) Thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng: 16.402 tỷ đồng, gồm:
- Tiền sử dụng đất: 800 tỷ đồng.
 - Thu từ hoạt động XSKT: 85 tỷ đồng.
 - Thu từ thuế, phí, lệ phí: 15.517 tỷ đồng.

*** Xác định và điều chuyển nguồn thu mới và lớn.**

Luật NSNN năm 2015 (điểm 7, điều 9) có quy định “*Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Chính phủ trình Quốc hội, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới...*”

UBND tỉnh xác định nguồn thu mới và lớn phát sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2019 so với năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách) là 917 tỷ đồng, gồm có các nguồn sau:

- Nguồn thu phát sinh từ nhà máy bia Heneiken Việt Nam - Quảng Nam mở rộng (Điện Bàn): 864 tỷ đồng.

- Nguồn thu phát sinh từ nhà các nhà máy thủy điện là 53 tỷ đồng: nhà máy thủy điện Đăk Mi 3 (Phước Sơn): 20 tỷ đồng; nhà máy thủy điện Sông Tranh 3 (Tiên Phước): 10 tỷ đồng và nhà máy thủy điện Sông Bung 2 (Nam Giang): 23 tỷ đồng.

Các nguồn thu này được điều tiết theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; sau khi điều tiết các địa phương trên phải nộp số thu được hưởng về ngân sách tỉnh là 489 tỷ đồng (Thị xã Điện Bàn: 449 tỷ đồng, Tiên Phước: 6 tỷ đồng, Nam Giang: 24 tỷ đồng, huyện Phước Sơn: 10 tỷ đồng).

Như vậy, tổng số thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng (không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu XSKT): 15.517 tỷ đồng, tăng so với dự toán năm 2018 là 2.611 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh tăng: 2.178 tỷ đồng.
- Ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) tăng: 433 tỷ đồng. Cụ thể:
 - + Có 15 địa phương tăng thu so dự toán năm 2018 là 449,7 tỷ đồng, trong đó các địa phương có số tăng thu cao: Thành phố Hội An tăng 234 tỷ đồng, thành phố Tam Kỳ tăng 77,5 tỷ đồng, huyện Duy Xuyên tăng 41,2 tỷ đồng, thị xã Điện Bàn tăng 31,5 tỷ đồng, huyện Núi Thành tăng 17,7 tỷ đồng, huyện Đại Lộc tăng 14,5 tỷ đồng, huyện Nông Sơn 12,5 tỷ đồng.
 - + Có 3 địa phương giảm thu so dự toán năm 2018 là 16,7 tỷ đồng, trong đó huyện Đông Giang giảm thu 15,5 tỷ đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 3.088 tỷ đồng, gồm:

- Vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ là 2.121 tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước: 1.339,5 tỷ đồng (Ứng phó BĐKH và tăng trưởng xanh: 338 tỷ đồng); vốn đầu tư các dự án từ nguồn vốn

trong nước 782 tỷ đồng (đầu tư theo ngành lĩnh vực và mục tiêu: 692 tỷ đồng; vốn Trái phiếu Chính phủ: 90 tỷ đồng).

- Vốn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu: 166,6 tỷ đồng (vốn ngoài nước: 17,6 tỷ đồng, vốn trong nước: 149 tỷ đồng).

- Vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: 800,7 tỷ đồng. Chương trình nông thôn mới: 413 tỷ đồng, chương trình giảm nghèo bền vững: 387,7 tỷ đồng.

c) Thu chuyển nguồn: 3.126 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2018 chưa sử dụng: 1.650 tỷ đồng, chuyển sang năm 2019 để quản lý và sử dụng theo quy định.

- Chuyển nguồn vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018 sang năm 2019, để bổ sung vốn đầu tư: 200 tỷ đồng.

- Nguồn tiết kiệm chi năm 2018 chuyển sang năm 2019: 1.276 tỷ đồng, gồm:

+ Chuyển nguồn một số nhiệm vụ chi thực hiện các chế độ chính sách sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện: 276 tỷ đồng. Bao gồm các lĩnh vực: sự nghiệp giáo dục và đào tạo (kinh phí học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, thôn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi; kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật; kinh phí hỗ trợ học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; chế độ cho giáo viên theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ...); sự nghiệp y tế (kinh phí mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; kinh phí mua thẻ bảo hiểm cho người nghèo, dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, xã đảo...).

+ Chuyển nguồn chi thường xuyên không còn nhiệm vụ chuyển sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư phát triển: 1.000 tỷ đồng.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2019

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chế độ chính sách hiện hành, số thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2019, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 với các nội dung sau:

1. Phương án phân bổ dự toán chi năm 2019

1.1. Cân đối nguồn và nguyên tắc bố trí chi NSDP năm 2019

a) Năm 2019 là năm thứ ba của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; dự toán chi ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở định mức chi năm 2017 (định mức chi đầu tư và định mức chi thường xuyên), có tăng theo định hướng của

Trung ương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời tăng bổ sung cân đối cho ngân sách các huyện nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh bình quân là 3%.

Tiếp tục, cơ cấu lại ngân sách, ưu tiên dành nguồn lực cho đầu tư phát triển, cân đối đủ nguồn kinh phí để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, các chế độ, chính sách về tiền lương về an sinh xã hội theo quy định; dự nguồn để thực hiện diễn tập phòng thủ, các Nghị quyết của HĐND tỉnh sẽ được thông qua kỳ họp cuối năm 2018 (Hỗ trợ cán bộ thôn nghĩ việc do dôi dư khi sắp xếp; Chính sách giảm nghèo đối với hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội và người có công; đề án quản lý bảo vệ rừng; hỗ trợ chế độ đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số, khuyết tật con của hộ nghèo, cận nghèo; bảo tồn phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số; chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài...); bố trí đủ nguồn để trả nợ vay, lãi vay đến hạn trả; bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; bố trí Quỹ dự trữ tài chính và dự phòng theo đúng quy định.

Trong chi thường xuyên được bố trí theo tổ chức bộ máy hiện hành. Sau khi có Quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

b) Năm 2019, sử dụng toàn bộ nguồn tiết kiệm chi và một phần vượt thu năm 2018 của ngân sách tỉnh chuyển nguồn sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư. Sử dụng tăng thu dự toán năm 2019 so dự toán năm 2018 để thực hiện các Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, tăng chi đầu tư và một phần tăng chi thường xuyên theo định hướng của Trung ương. Cụ thể:

b.1) Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không bao gồm tiền sử dụng đất và XSKT) dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 là 2.611 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh tăng thu: 2.178 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện tăng thu: 433 tỷ đồng.

(1). Sử dụng nguồn tăng thu ngân sách tỉnh (2.178 tỷ đồng):

- Trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương là 1.089 tỷ đồng, để bố trí chi đầu tư 800 tỷ đồng theo Trung ương giao, còn lại 289 tỷ đồng bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

- Số còn lại bố trí chi năm 2019 là 1.089 tỷ đồng, được phân bổ:

+ Tăng chi vốn XDCB tập trung khối tỉnh theo định hướng Trung ương là 33 tỷ đồng (tăng 13% so dự toán năm 2018).

+ Bổ sung thêm vốn đầu tư của ngân sách tỉnh: 200 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo khối tỉnh theo định hướng Trung ương: 213 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho sự nghiệp môi trường khối tỉnh theo định hướng của Trung ương: 5 tỷ đồng.

+ Bổ sung cho các địa phương có số tăng thu không đảm bảo nguồn để tăng chi XDCB 13% so dự toán năm 2018 theo định hướng của Trung ương: 29 tỷ đồng.

+ Bổ sung cho các địa phương có số tăng thu không đảm bảo nguồn để tăng chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo định hướng của Trung ương: 33 tỷ đồng.

+ Tăng bổ sung cân đối cho ngân sách cấp huyện bình quân 3%, tương ứng 95 tỷ đồng.

+ Bố trí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội (bao gồm dự nguồn cho các Nghị quyết dự kiến ban hành tại kỳ họp cuối năm 2018), chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh và các chế độ, chính sách Trung ương ban hành địa phương đảm bảo là 481 tỷ đồng.

(Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh và các chế độ chính sách Trung ương ban hành mà địa phương phải bố trí nguồn là 1.084 tỷ đồng, sử dụng nguồn tăng thu năm 2019 là 481 tỷ đồng, còn lại 603 tỷ đồng sử dụng nguồn trong cân đối dự toán năm 2019).

(2). Sử dụng tăng thu ngân sách cấp huyện (433 tỷ đồng), cụ thể:

- Trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương: 216,5 tỷ đồng, được quản lý tập trung ở ngân sách tỉnh.

- Số còn lại bố trí chi năm 2019: 216,5 tỷ đồng.

+ Tăng chi vốn XDCB tập trung 13% so dự toán năm 2018 theo định hướng của Trung ương: 52 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo định hướng của Trung ương: 94 tỷ đồng.

+ Số còn lại bổ sung các nhiệm vụ chi đầu tư và chi thường xuyên.

b.2) Nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2018 chuyển sang năm 2019 là 1.276 tỷ đồng, sử dụng:

- Bố trí lại cho một số nhiệm vụ chi để thực hiện các chế độ chính sách Trung ương ban hành: 276 tỷ đồng.

- Bố trí trong dự toán năm 2019 để cân đối cho nhiệm vụ chi bổ sung vốn đầu tư phát triển: 1.000 tỷ đồng.

b.3) Nguồn vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018: ước thực hiện vượt thu ngân sách tỉnh năm 2018 là 1.143 tỷ đồng, trích 50% bổ sung nguồn cải cách tiền lương theo quy định là 571,5 tỷ đồng, số còn lại 571,5 tỷ đồng, trước mắt chuyển nguồn sang năm 2019 để bổ sung vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.

c) Nguồn thu tiền sử dụng đất: dự toán thu 800 tỷ đồng (ngân sách cấp tỉnh là 214 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã 586 tỷ đồng), sử dụng chi đầu tư, trích lập Quỹ phát triển đất, công tác quản lý đất đai là 800 tỷ đồng.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách các cấp sau khi trừ chi phí GPMB, hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác của chính lô đất đó

(nếu có), được sử dụng trích Quỹ phát triển đất 20% và bố trí tối đa 10% thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo Chỉ thị 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ; số còn lại sử dụng để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định.

Giao cho HĐND cấp huyện quy định tỷ lệ phân bổ lại tiền sử dụng đất do cấp huyện quản lý phát sinh trên địa bàn các xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa phương.

d) Nguồn thu từ hoạt động XSKT: dự toán thu 85 tỷ đồng, bố trí chi đầu tư là 85 tỷ đồng.

Nguồn thu này được bố trí cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế công lập, Chương trình MTQG nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

e) Nguồn thu từ phí tham quan, nguồn thu lợi tức sau thuế từ Yên sào được quản lý sử dụng như sau:

- Nguồn thu phí tham quan sau khi trích 50% tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số còn lại xem như 100% được sử dụng tối thiểu 70% để tôn tạo di tích, đầu tư kết cấu hạ tầng di tích, đầu tư các công trình hạ tầng du lịch, kiến thiết thị chính; phần còn lại được sử dụng chi hoạt động văn hóa, phục vụ lễ hội, hoạt động quảng bá du lịch, bảo vệ môi trường, hoạt động quản lý, bảo tồn, giữ gìn giá trị các di sản và một số nhiệm vụ khác.

- Nguồn thu lợi tức sau thuế từ khai thác yến sào sau khi trích 50% tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số còn lại xem như 100% được sử dụng tối thiểu 50% để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và xã đảo Tân Hiệp, phần còn lại sử dụng chi kiến thiết thị chính, trợ giá, trợ cước, hỗ trợ kinh phí hoạt động xã đảo và bổ sung chi sự nghiệp môi trường.

g) Đối với nguồn thu mới và lớn được rút về ngân sách tỉnh (phần điều tiết cho ngân sách cấp huyện), sau khi trích 50% để tạo nguồn cải cách tiền lương, số còn lại xem như 100% bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện bằng 30% để đầu tư cơ sở hạ tầng.

f) Đối với tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê là khoản thu thực hiện cân đối chung ngân sách địa phương (bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên) không để lại chi đầu tư. Tuy nhiên, để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, năm 2019 ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã Điện Bàn và huyện Núi Thành tương ứng 50% số tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời gian thuê phát sinh trên địa bàn các địa phương này nộp ngân sách tỉnh để đầu tư các dự án có trong danh mục đầu tư từ nguồn thuê đất nộp một lần trong kế hoạch đầu tư trung hạn theo Nghị quyết của HĐND cấp huyện ban hành trước ngày 01/8/2018.

1.2. Về quản lý và sử dụng nguồn cải cách tiền lương

Sử dụng các nguồn đây để bổ sung nguồn cải cách tiền lương năm 2019:

- Nguồn cải cách tiền lương còn thừa từ năm 2018 về trước tiếp tục chuyển sang năm 2019 quản lý và sử dụng theo quy định.

- Các cấp ngân sách sử dụng 50% phần vượt thu năm 2018 (số thu nội địa được hưởng thực hiện năm 2018 so dự toán thu năm 2018 tỉnh giao) để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- Các cấp ngân sách sử dụng 50% phần tăng thu dự toán năm 2019, so với dự toán năm 2017 tỉnh giao để tạo nguồn CCTL.

- Các huyện, thị xã, thành phố sử dụng 50% nguồn tăng thu giữa dự toán năm 2019 huyện giao so với dự toán năm 2019 tỉnh giao.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của dự toán năm 2019 (trừ các đơn vị sự nghiệp mà ngân sách phân bổ chi thường xuyên theo cơ chế Nhà nước đặt hàng).

- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp đã tính số thu vào tổng nhu cầu chi thường xuyên) thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu được để lại theo quy định.

- Đối với đơn vị sự nghiệp đã tính số thu vào tổng nhu cầu chi thì thực hiện trích tối thiểu 40% đối với các khoản thu được để lại theo quy định mà vượt dự toán cấp có thẩm quyền giao (đối với đơn vị sự nghiệp y tế trích tối thiểu 35% sau khi trừ thuốc, máu, dịch truyền...).

Ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) nộp về ngân sách cấp tỉnh toàn bộ nguồn cải cách tiền lương trích từ tăng thu, vượt thu so dự toán hằng năm để cân đối điều hòa chung toàn tỉnh nhằm thực hiện chính sách tiền lương, an sinh xã hội... .

2. Dự toán chi NSDP năm 2019

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 là 23.125 tỷ đồng, tăng 15% so với dự toán năm 2018.

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương

Chi cân đối ngân sách địa phương là 20.037 tỷ đồng, tăng 13,8% so dự toán năm 2018.

a) Chi đầu tư phát triển: dự toán năm 2019 là 4.809 tỷ đồng, tăng 92,3% so với dự toán năm 2018. Bao gồm:

- Chi đầu tư theo dự án là 4.734 tỷ đồng, tăng 95,5% so với dự toán năm 2018, chủ yếu do tăng vốn XDDB tập trung theo định hướng Trung ương (13%); sử dụng nguồn cải cách tiền lương là 800 tỷ đồng; nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi 1.400 tỷ đồng; chi đầu tư từ nguồn bội chi 509 tỷ. Cụ thể:

+ Chi XDDB vốn tập trung trong nước: 983 tỷ đồng, bằng số Trung ương giao, tăng 13% so với dự toán năm 2018.

+ Chi đầu tư từ phí tham quan: 80,5 tỷ đồng.

- + Chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất: 800 tỷ đồng, bằng dự toán thu.
- + Chi từ nguồn thu hoạt động XSKT: 85 tỷ đồng, bằng dự toán thu.
- + Chi đầu tư từ nguồn khác: 3,4 tỷ đồng.
- + Chi đầu tư từ nguồn bội chi: 509 tỷ đồng.
- + Chi đầu tư từ nguồn thu mới được cấp lại: 73,4 tỷ đồng.
- + Chi đầu tư từ nguồn tăng thu, vượt thu, tiết kiệm chi: 1.400 tỷ đồng.
- + Chi đầu tư từ nguồn cải cách tiền lương: 800 tỷ đồng.
- Chi cấp vốn ủy thác để cho vay hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách và bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ: 75 tỷ đồng, gồm:
 - + Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác: 45 tỷ đồng.
 - + Quỹ Hợp tác xã: 10 tỷ đồng.
 - + Quỹ hỗ trợ nông dân: 10 tỷ đồng.
 - + Quỹ hỗ trợ ngư dân: 10 tỷ đồng.

b) Chi thường xuyên.

Tổng dự toán chi thường xuyên năm 2019 là 11.907 tỷ đồng, tăng 3,1% so với dự toán năm 2018 (chưa bao gồm tiền lương tăng thêm theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng).

Dự toán đã đảm bảo các nhiệm vụ chi theo định mức phân bổ ngân sách, có tăng theo định hướng của trung ương và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách, kinh phí để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án, Chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, bố trí tăng chi để mua sắm thiết bị y tế, mua sắm bàn ghế, thiết bị dạy và học, sửa chữa trường lớp học, tăng chi kiến thiết thị chính, tăng an ninh, quốc phòng...

Cụ thể như sau:

- Chi Quốc phòng: dự toán chi là 188,8 tỷ đồng, tăng 3,5% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 72,2 tỷ đồng, khối huyện chi 116,6 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 đảm bảo theo định mức phân bổ cho ngân sách huyện, xã và hoạt động thường xuyên của các đơn vị thuộc tỉnh (Bộ Chỉ huy Quân sự, BCH Bộ đội Biên phòng). Ngoài ra, bố trí kinh phí mua trang phục cho lực lượng DQTV với số tiền 15,57 tỷ đồng. Đảm bảo chế độ, chính sách thực hiện Luật DQTV và Pháp lệnh Dự bị động viên, thực hiện các chế độ, chính sách đối với các tiểu đội trực sẵn sàng chiến đấu tại các xã, phường trọng điểm (tăng 7 xã trọng điểm về quốc phòng so với năm 2018), bao gồm cả dự nguồn kinh phí để diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và hỗ trợ cho các địa phương thực hiện diễn tập cấp huyện.

- Chi an ninh: dự toán chi là 81,1 tỷ đồng, giảm 1,7% so dự toán năm 2018. Tuy nhiên, nếu dự toán năm 2018 loại trừ số chuyển nguồn năm 2017 chuyển sang năm 2018 để mua sắm trang phục công an xã là 3,7 tỷ đồng và giảm 4 xã

trọng điểm về an ninh là 0,3 tỷ đồng, thì dự toán năm 2019 tăng 3,3% so dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 31 tỷ đồng, khối huyện chi 50,1 tỷ đồng.

Dự toán năm 2019 đảm bảo bố trí theo định mức phân bổ cho ngân sách huyện, xã và hoạt động thường xuyên của đơn vị thuộc tỉnh. Ngoài ra, bố trí kinh phí mua trang phục cho lực lượng Công an xã; đảm bảo chế độ, chính sách thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh: chế độ của Ban bảo vệ Tổ dân phố; Công an viên thường trực cấp xã, Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu của các xã trọng điểm an ninh.

- Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo: dự toán chi là 4.578,5 tỷ đồng, tăng 5,8 % so dự toán năm 2018 (nếu tính cả kinh phí thực hiện điều chỉnh cải cách tiền lương và các chế độ an sinh xã hội chi từ nguồn cải cách tiền lương thì đảm bảo bằng dự toán Trung ương giao 4.695 tỷ đồng); trong đó: Khối tỉnh chi 1.322,7 tỷ đồng, khối huyện chi 3.255,8 tỷ đồng.

Dự toán năm 2019, đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, chính sách về giáo dục và đào tạo như: hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, hỗ trợ học sinh và trường phổ thông dân tộc bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, hỗ trợ học bổng học sinh dân tộc nội trú (tỉnh, huyện), học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ kinh phí tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP; kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định 53/2015/QĐ-TTg; kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã theo Quyết định 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ...Tiếp tục bố trí kinh phí mua sắm sửa chữa trường lớp học cho các địa phương theo quy định và bổ sung kinh phí hoạt động giáo dục đảm bảo tỷ lệ 82/18 theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: dự toán chi là 1.062,3 tỷ đồng, giảm 4,2% so dự toán năm 2018. Tuy nhiên, nếu dự toán năm 2018 loại trừ số chuyển nguồn năm 2017 chuyển sang năm 2018 để bố trí mua thẻ BHYT cho các đối tượng là 160 tỷ đồng, thì dự toán năm 2019 tăng 11,9% so dự toán năm 2018; trong đó: Khối tỉnh chi 967,4 tỷ đồng, khối huyện chi 94,9 tỷ đồng.

Dự toán chi 2019 đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách. Bố trí kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định (Trẻ em, người nghèo, người dân thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội ĐBKK, người dân tộc thiểu số vùng khó khăn, đối tượng thuộc hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, đối tượng bảo trợ xã hội, học sinh sinh viên, thanh niên xung phong, người tham gia kháng chiến...); kinh phí thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Chương trình thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2018-2020 và các chủ trương, Quyết định có liên quan của UBND tỉnh về y tế, chế độ Bảo hiểm Y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Chi sự nghiệp Khoa học công nghệ: dự toán chi là 40,3 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2018, tăng 25,5% so với dự toán Trung ương giao; trong đó khối tỉnh chi 33,1 tỷ đồng, khối huyện chi ứng dụng khoa học công nghệ là 7,2 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin: dự toán chi là 234,4 đồng, tăng 7,7% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 132,4 tỷ đồng, khối huyện chi 101,9 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách. Chi từ nguồn thu phí tham quan; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị các Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã thuộc xã đạt chuẩn Nông thôn mới. Ngoài ra, dự nguồn để thực hiện các Đề án của UBND tỉnh về Ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh; Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin chuyên ngành, lễ kỷ niệm 20 năm ngày UNESCO công nhận phố cổ Hội An, Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới.

- Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình: dự toán chi là 51,4 tỷ đồng, tăng 6% so dự toán năm 2018, trong đó: khối tỉnh chi 22,5 tỷ đồng, khối huyện chi 28,9 tỷ đồng. Đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách.

- Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: dự toán chi là 70,88 tỷ đồng, giảm 18,4% so dự toán năm 2018. Tuy nhiên, dự toán năm 2018 nếu loại trừ kinh phí Đại hội thể dục thể thao 25 tỷ đồng, thì dự toán năm 2019 tăng 14,6% so với dự toán năm 2018; trong đó: Khối tỉnh chi 45,5 tỷ đồng, khối huyện chi 25,38 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019 đảm bảo các nhiệm vụ phát triển thể dục thể thao quần chúng, đảm bảo kinh phí chế độ, chính sách liên quan đến vận động viên, huấn luyện viên thể thao và dự nguồn kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Chi sự nghiệp Đảm bảo xã hội: dự toán chi là 1.056 tỷ đồng, tăng 3% so với dự toán năm 2018; trong đó: Khối tỉnh chi 328 tỷ đồng, khối huyện chi 728 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019, đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách. Phân bổ thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành: Hỗ trợ Tết Nguyên đán và ngày 27/7 cho gia đình chính sách với mức ngày Tết nguyên đán: 400.000 đồng/đôi tượng, ngày 27/7 mức: 300.000 đồng/đôi tượng; kinh phí trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc; Trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2014/NĐ-CP; trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách, kinh phí để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh như: chương trình thoát nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020; hỗ trợ kinh phí cho đội công tác xã hội tình nguyện. Ngoài ra, còn dự nguồn thực hiện chính sách hỗ trợ cho người nghèo thuộc hộ gia đình người có công cách mạng và hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo Nghị quyết của HĐND tỉnh...

- Chi sự nghiệp kinh tế: dự toán chi là 2.110 tỷ đồng, tăng 3,7% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 738 tỷ đồng, khối huyện chi 1.372 tỷ đồng.

Dự toán chi năm 2019, đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách (bao gồm cả kinh phí thực hiện điều chuyển 18 Trung tâm phát triển quỹ đất về cấp huyện quản lý) và cân đối thực hiện các đề án, Nghị quyết của HĐND tỉnh. Dự toán phân bổ thực hiện các chính sách có liên quan như: Đề án phát triển cây dược liệu, phát triển Sâm Ngọc Linh, kinh phí cấp bù thủy lợi phí; kinh phí hỗ trợ sản xuất đất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP; chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; kinh phí bảo trì đường bộ; kinh phí duy trì chuẩn ở các xã đạt chuẩn nông thôn mới và hỗ trợ khu dân cư kiểu mẫu; kinh phí thực hiện Nghị quyết hỗ trợ khuyến khích thoát nghèo bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020...

Ngoài ra, dự nguồn để thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Đề án của UBND tỉnh và các chế độ Trung ương ban hành mà ngân sách địa phương phải đảm bảo như: Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích, hỗ trợ nuôi trồng thủy sản; Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND về Đào tạo lao động cho các dự án trọng điểm; Chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới và giảm nghèo bền vững...

- Chi sự nghiệp Môi trường: dự toán chi là 176 tỷ đồng, tăng 2,8% so với dự toán năm 2018, bằng dự toán trung ương giao, trong đó có bố trí tăng thêm cho khối xã so với năm trước để chi bảo vệ môi trường và dự nguồn để chi phí đốt rác thải; bao gồm: Khối tỉnh chi 92 tỷ đồng, khối huyện chi 84 tỷ đồng. Đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách.

- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: dự toán chi là 2.191 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 585 tỷ đồng, khối huyện chi 1.606 tỷ đồng. Đảm bảo các nhiệm vụ chi được tính theo định mức phân bổ ngân sách, đồng thời có bổ sung thêm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh và hoạt động cho các đoàn thể cấp xã mỗi xã 10 triệu đồng.

- Chi khác: Dự toán chi là 64 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2018; trong đó: khối tỉnh chi 41 tỷ đồng, khối huyện chi 23 tỷ đồng.

c) Chi trả lãi do chính quyền địa phương vay: 13,9 tỷ đồng, theo số phát sinh.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1,45 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2018.

đ) Chi dự phòng ngân sách: 576 tỷ đồng, tăng 12,5% so với dự toán năm 2018, bằng 2,49% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó: ngân sách tỉnh là 467 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, cấp xã là 109 tỷ đồng.

e) Chi cải cách tiền lương: 2.729 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.128 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn cải cách tiền lương: 601 tỷ đồng.

2.2. Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu

Tổng chi từ nguồn ngân sách Trung ương: 3.088 tỷ đồng, trong đó:

a) Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 800,7 tỷ đồng (vốn đầu tư: 660,4 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 140,3 tỷ đồng), trong đó:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 387,7 tỷ đồng (vốn đầu tư: 350,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 37,6 tỷ đồng).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 413 tỷ đồng (vốn đầu tư: 310,3 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 102,7 tỷ đồng).

b) Chi đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 2.121 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn nước ngoài: 1.339 tỷ đồng.

- Vốn trong nước: 782 tỷ đồng (Đầu tư lĩnh vực, ngành và mục tiêu khác: 692 tỷ đồng, vốn TPCP: 90 tỷ đồng).

c) Chi thực nhiệm vụ thường xuyên: 166,6 tỷ đồng (Vốn nước ngoài: 17,6 tỷ đồng; vốn trong nước: 149 tỷ đồng).

III. BỘI CHI NSDP

- Tổng thu NSDP được hưởng ước thực hiện: 22.616 tỷ đồng.

- Tổng chi NSDP ước thực hiện: 23.125 tỷ đồng.

- Bội chi NSDP là 509 tỷ đồng (23.125 tỷ đồng - 22.616 tỷ đồng).

IV. CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP

Dự toán chi trả nợ gốc năm 2019 là 55,7 tỷ đồng, trong đó: chi trả nợ gốc vay ưu đãi để đầu tư kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn là 48,8 tỷ đồng, chi trả nợ gốc vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước là 6,9 tỷ đồng (dự án cải thiện môi trường đô thị Tam Kỳ: 0,5 tỷ đồng, dự án cải thiện môi trường đô thị Chu Lai, Núi Thành: 6,4 tỷ đồng).

V. TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP

1. Hạn mức dư nợ vay tối đa theo quy định (30% số thu nội địa được hưởng): 4.920 tỷ đồng.

2. Tổng mức vay của ngân sách địa phương: 509 tỷ đồng, trong đó vay để bù đắp bội chi của NSDP là 509 tỷ đồng. Trong đó vay để đầu tư:

- Dự án cải thiện môi trường đô thị Chu Lai Núi Thành: 17 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): 26,5 tỷ đồng.

- Dự án sửa chữa nâng cao an toàn đập: 17 tỷ đồng.

- Dự án Phát triển môi trường, đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An: 357,6 tỷ đồng.

- Dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk - Tiểu dự án thành phố tỉnh Quảng Nam: 86 tỷ đồng.

- Dự án liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam: 4,9 tỷ đồng.

VI. DỰ TOÁN CHI NSDP THEO PHÂN CẤP NGÂN SÁCH

1. Ngân sách tỉnh trực tiếp chi:

13.656,09 tỷ đồng.

a) Chi cân đối ngân sách địa phương:	10.567,52 tỷ đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	3.656,15 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên:	4.411,19 tỷ đồng.
- Chi trả nợ lãi các khoản vay:	13,98 tỷ đồng.
- Chi lập Quỹ dự trữ tài chính:	1,45 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách:	466,72 tỷ đồng.
- Chi tạo nguồn và chi từ nguồn cải cách tiền lương:	2.018,03 tỷ đồng.
b) Chi các chương trình mục tiêu:	3.088,57 tỷ đồng.

2. Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp huyện: 5.567,01 tỷ đồng.

- Bổ sung cân đối ngân sách:	2.871,04 tỷ đồng.
- Bổ sung có mục tiêu:	2.695,97 tỷ đồng.

(Chưa bao gồm vốn đầu tư; vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2019; kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành cuối năm 2018).

3. Ngân sách cấp huyện trực tiếp chi: 9.469,25 tỷ đồng.

(Chưa bao gồm vốn đầu tư; vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2019; kinh phí thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành cuối năm 2018).

- Chi đầu tư phát triển:	1.153,06 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên:	7.495,36 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách:	109,45 tỷ đồng.
- Chi tạo nguồn và chi từ nguồn cải cách tiền lương:	711,37 tỷ đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

UBND tỉnh công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./K

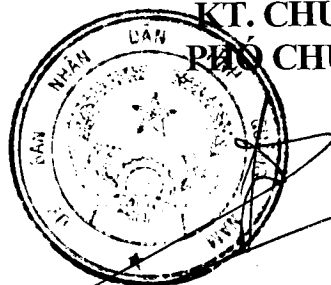
Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT TU, HĐND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

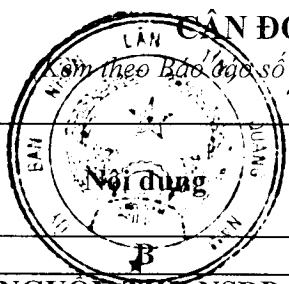
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019



Kiểm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A		1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	19.991.570	28.523.320	22.616.343	(5.906.977)	79,3%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	13.681.572	15.360.449	16.401.773	1.041.324	106,8%
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.888.800	2.717.240	2.540.612	(176.628)	93,5%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	11.792.772	12.643.209	13.861.161	1.217.952	109,6%
	<i>Thu cân đối NSDP không bao gồm nguồn thu sử dụng đất, XSKT</i>	12.905.572	14.368.699	15.516.773	1.148.074	108,0%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.464.674	2.618.704	3.088.570	469.866	117,9%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	-	-	-	-	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.464.674	2.618.704	3.088.570	469.866	117,9%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	
IV	Thu kết dư	-	1.187.492	-	-	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyên sang	3.845.325	9.356.675	3.126.000	(6.230.675)	33,4%
B	TỔNG CHI NSDP	20.067.870	25.933.251	23.125.343	3.057.473	115,2%
I	Tổng chi cân đối NSDP	17.603.196	18.917.693	20.036.773	2.433.577	113,8%
1	Chi đầu tư phát triển	2.501.387	4.419.899	4.809.210	2.307.823	192,3%
2	Chi thường xuyên	11.543.671	11.738.727	11.906.555	362.884	103,1%
3	Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay	11.901	11.901	13.979	2.078	117,5%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	1.450	-	100,0%
5	Dự phòng ngân sách	512.325	312.325	576.179	63.854	112,5%
6	Chi tạo nguồn CCTL và chi từ nguồn CCTL	3.032.462	2.433.391	2.729.400	(303.062)	90,0%
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.464.674	3.889.558	3.088.570	623.896	125,3%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	472.921	499.787	800.732	327.811	169,3%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.991.753	3.389.771	2.287.838	296.085	114,9%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	3.126.000	-	-	
C	BỘI CHI NSDP	76.300	76.300	509.000	432.700	667,1%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	74.653	74.653	55.691	(18.962)	74,6%
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	-	-	-	-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	74.653	74.653	55.691	(18.962)	74,6%
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	76.300	76.300	509.000	432.700	667,1%
I	Vay để bù đắp bội chi	76.300	76.300	509.000	432.700	667,1%
II	Vay để trả nợ gốc	-	-	-	-	

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					
I	Nguồn thu ngân sách	16.571.341	23.543.143	18.714.106	(4.829.037)	112,9%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.261.342	11.476.572	12.499.535	1.022.963	108,9%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.464.674	2.618.704	3.088.570	469.866	117,9%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	-	-	-	-	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.464.674	2.618.704	3.088.570	469.866	117,9%
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	
4	Thu kết dư	-	91.192	-	(91.192)	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.845.325	9.356.675	3.126.000	(6.230.675)	33,4%
II	Chi ngân sách	16.647.640	20.953.074	19.223.106	2.575.466	115,5%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	11.496.917	10.274.751	13.656.096	2.159.179	118,8%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	5.150.723	7.552.323	5.567.010	416.287	108,1%
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	2.775.849	2.775.849	2.871.036	95.187	103,4%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	2.374.874	4.776.474	2.695.974	321.100	113,5%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	3.126.000	-	-	
III	Bội chi NSDP	76.300	76.300	509.000	432.700	667,1%
B	NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	8.570.953	12.532.500	9.469.248	(3.063.252)	110,5%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	3.420.230	3.883.877	3.902.238	18.361	100,5%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.150.723	7.552.323	5.567.010	(1.985.313)	73,7%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.775.849	2.775.849	2.871.036	95.187	103,4%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.374.874	4.776.474	2.695.974	(2.080.500)	56,4%
3	Thu kết dư	-	1.096.300	-	(1.096.300)	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-	-	

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
II	Chi ngân sách	8.570.953	12.532.500	9.469.248	898.295	110,5%

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI
NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSĐP	23.125.343	13.656.096	9.469.248
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	20.036.773	10.567.526	9.469.248
I	Chi đầu tư phát triển (1)	4.809.210	3.656.150	1.153.060
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.734.210	3.581.150	1.153.060
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	-	-	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-
-	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
	-	-	-
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	-	-	-
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	982.942	572.750	410.192
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000	214.400	585.600
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	85.000	85.000	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan	80.500	-	80.500
-	Chi đầu tư từ nguồn thu khác yếm sào	3.375	-	3.375
-	Chi đầu tư từ nguồn thu mới được cấp lại	73.393	-	73.393
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác	2.200.000	2.200.000	-
	- Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	1.400.000	1.400.000	-
	- Từ nguồn CCTL	800.000	800.000	-
-	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi	509.000	509.000	-
2	Chi cấp vốn Điều lệ các Quỹ	75.000	75.000	-
II	Chi thường xuyên	11.906.555	4.411.192	7.495.363
1	Chi quốc phòng	188.867	72.287	116.580
2	Chi An ninh	81.121	31.010	50.111
3	Chi SN giáo dục, DT và dạy nghề	4.578.569	1.322.750	3.255.819
4	Chi sự nghiệp y tế	1.062.321	967.440	94.881
5	Chi SN Khoa học công nghệ	40.290	33.090	7.200
6	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	234.381	132.429	101.952
7	Chi SN Phát thanh, truyền hình	51.348	22.426	28.922
8	Chi Sự nghiệp Thể dục Thể thao	70.880	45.505	25.375
9	Chi đảm bảo xã hội	1.056.808	328.028	728.780
10	Chi sự nghiệp kinh tế	2.110.266	737.942	1.372.324
11	Chi sự nghiệp môi trường	176.327	92.041	84.286
12	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	2.191.304	585.405	1.605.899
13	Chi khác	64.073	40.839	23.234
III	Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay	13.979	13.979	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	-
V	Dự phòng ngân sách	576.179	466.722	109.457
VI	Chi cải cách tiền lương	2.729.400	2.018.032	711.368

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
1	Chi tạo nguồn CCTL	2.128.083	1.893.445	234.638
2	Chi thực hiện điều chỉnh CCTL, chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội	601.317	124.587	476.730
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.088.570	3.088.570	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	800.732	800.732	-
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	387.732	387.732	-
	- <i>Vốn đầu tư</i>	350.122	350.122	-
	- <i>Vốn sự nghiệp</i>	37.610	37.610	-
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	413.000	413.000	-
	- <i>Vốn đầu tư</i>	310.300	310.300	-
	- <i>Vốn sự nghiệp</i>	102.700	102.700	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.287.838	2.287.838	-
1	Vốn đầu tư	2.121.225	2.121.225	-
	<i>Vốn nước ngoài</i>	1.339.675	1.339.675	-
	<i>Vốn trong nước</i>	781.550	781.550	-
2	Vốn sự nghiệp	166.613	166.613	-
2.1	Chương trình mục tiêu	80.086	80.086	-
	<i>CTMT Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội</i>	5.303	5.303	-
	<i>CTMT Phát triển Lâm nghiệp bền vững</i>	28.000	28.000	-
	<i>CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động</i>	14.395	14.395	-
	<i>CTMT Ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh</i>	400	400	-
	<i>CTMT Công nghệ thông tin</i>	-	1.500	-
	<i>CTMT Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn</i>	-	15.600	-
	<i>CTMT Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư</i>	-	2.000	-
	<i>CTMT Phát triển văn hóa</i>	2.243	2.243	-
	<i>CTMT Y tế - Dân số</i>	8.255	8.255	-
	<i>CTMT Đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống tội phạm và ma túy</i>	2.390	2.390	-
2.2	Các chương trình, mục tiêu khác	68.879	68.879	-
	<i>Hỗ trợ Hội VHNT và Hội Nhà báo địa phương</i>	585	585	-
	<i>Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ</i>	49.549	49.549	-
	<i>Kinh phí thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg</i>	617	617	-
	<i>Nguồn kinh phí đảm bảo TTATGT</i>	18.128	18.128	-
2.3	Vốn nước ngoài	17.648	17.648	-

Biểu số 37/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

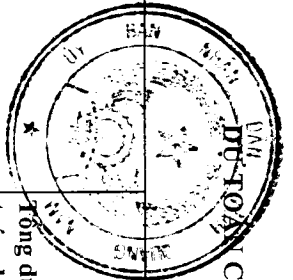
(Kèm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019
A	B	I
	TỔNG CHI NSDP	19.223.105
A	CHI BỔ SUNG CÁN ĐỘI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	2.871.036
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	10.567.526
I	Chi đầu tư phát triển	3.656.150
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.581.150
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế.	-
3	Chi cấp vốn điều lệ cho các Quỹ	75.000
II	Chi thường xuyên	4.411.192
1	Chi quốc phòng	72.287
2	Chi An ninh	31.010
3	Chi SN giáo dục, ĐT và dạy nghề	1.322.750
4	Chi sự nghiệp y tế	967.440
5	Chi SN Khoa học công nghệ	33.090
6	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	132.429
7	Chi SN Phát thanh, truyền hình	22.426
8	Chi Sự nghiệp Thể dục Thể thao	45.505
9	Chi đảm bảo xã hội	328.028
10	Chi sự nghiệp kinh tế	737.942
11	Chi sự nghiệp môi trường	92.041
12	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	585.405
13	Chi khác	40.839
III	Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay	13.979
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450
V	Dự phòng ngân sách	466.722
VI	Chi cải cách tiền lương	2.018.032
1	Chi tạo nguồn CCTL	1.893.445
2	Chi điều chỉnh CCTL, chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội	124.587
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019
 (Kèm theo Báo cáo số 192 /BC-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam)

DVT: triệu đồng



TT	Đơn vị, Ngành	Tổng dự toán chi ngân sách cấp tỉnh	Tổng chi thường xuyên	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			Chi y tế, dân số và gia đình	Chi khoa học công nghệ	Chi VH TT, TDTT, PTTT	Chi bảo đảm xã hội	Chi các hoạt động kinh tế	Chi bảo vệ môi trường	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi khác	Cấp vốn điều lệ	Trung bình số mục tiêu
					Giáo dục	Đào tạo và dạy nghề	Cộng											
A	B	1=2+16+17	2=3+6+7...+15	3	4	5	6=4+5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng	2.753.760	2.593.523	431.777	530.931	160.412	691.343	908.934	25.220	109.237	65.043	232.255	35.665	59.247	16.510	18.292	75.000	85.237
1	Văn phòng UBND tỉnh	16.345	16.345	16.318										27				
2	Văn phòng UBND tỉnh	26.193	26.193	23.450						19.206		716	2.000	27				
3	Văn phòng Tỉnh ủy	101.104	101.104	81.871										27				
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	156.183	156.183	95.821								59.901	420	41				
5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	120.760	101.062	10.716		30.846	30.846				59.459			41				19.696
6	Ban quản lý Khu KTM Chu Lai	11.258	11.258	7.595		250	250					2.778	635					
7	Sở Xây dựng	8.946	8.946	7.293								1.626		27				
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	61.418	61.018	10.054								27.563	23.360	41				400
9	Sở Y tế	532.913	524.658	11.897				506.420	300				6.000	41				8.255
10	Tỉnh đoàn	10.186	10.186	6.598					210			1.955		27				
11	Sở Giao thông vận tải	22.747	22.747	13.397		1.423	1.423					9.323		27				
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	537.807	537.807	7.119	530.661									27				
13	Sở Nội vụ	25.524	25.524	23.870		500	500					1.127		27				
14	Sở Khoa học và Công nghệ	29.988	29.988	5.651					24.310					27				
15	Sở Công thương	25.021	25.021	9.423						100		15.307	150	41				
16	Sở Tài chính	13.871	13.871	13.544						300				27				
17	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	101.664	99.421	10.613		19.153	19.153			60.240		6.374	3.000	41				2.243
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.959	11.959	10.512								1.420		27				
19	Sở Tư pháp	11.311	11.311	5.894							4.886	504		27				
20	Thanh tra tỉnh	8.712	8.712	8.685										27				
21	Sở Ngoại vụ	8.912	8.912	8.507						30		348		27				
22	Hội Nông dân	6.565	6.565	4.970		1.385	1.385					210						

TT	Đơn vị, Ngành	Tổng dự toán chi ngân sách cấp tỉnh	Trong đó										Chi trong bổ sung mục tiêu					
			Tổng chi thường xuyên	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			Chi y tế, dân số và gia đình	Chi khoa học công nghệ	Chi VHTT, TDTT, PTTH	Chi bảo đảm xã hội	Chi các hoạt động kinh tế		Chi bảo vệ môi trường	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi khác	Cấp vốn điều lệ
					Giáo dục	Đào tạo và dạy nghề	Cộng											
12	Hội Từ thiện	553	553													553		
13	Hội Đông y	559	559													559		
14	Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật	1.470	1.470													1.470		
15	Hội Khuyến học	647	647													647		
16	Liên minh Hợp tác xã	4.576	4.576			965		965								2.561		
49.2	Các tổ chức không đặc thù	950	950							200						750		
1	Hội Làm vườn	330	330													330		
2	Hội Người khuyết tật	140	140													140		
3	Hiệp Hội doanh nghiệp	100	100													100		
4	Hội Cựu giáo chức	20	20													20		
5	Hội Nghề cá	160	160													160		
6	Liên Đoàn Cầu lông tỉnh	200	200							200								
49.3	Hỗ trợ khác	1.700	1.700													1.700		
1	Đoàn Đại biểu Quốc hội	1.700	1.700													1.700		

**TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 192 /BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: %

Số TT	Huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Chi tiết theo sắc thuế:					
		Thuế giá trị gia tăng hàng hóa sản xuất trong nước	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế bảo vệ môi trường hàng hóa sản xuất trong nước	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do trung ương cấp giấy phép
1	Tam Kỳ	48	48	48	48	48	30
2	Hội An	57	57	57	57	57	30
3	Điện Bàn	52	52	52	52	52	30
4	Duy Xuyên	45	45	45	45	45	30
5	Đại Lộc	45	45	45	45	45	30
6	Quế Sơn	45	45	45	45	45	30
7	Thăng Bình	45	45	45	45	45	30
8	Núi Thành	13	13	01	13	13	30
9	Hiệp Đức	45	45	45	45	45	30
10	Tiên Phước	45	45	45	45	45	30
11	Nam Giang	45	45	45	45	45	30
12	Bắc Trà My	45	45	45	45	45	30
13	Nam Trà My	45	45	45	45	45	30
14	Đông Giang	45	45	45	45	45	30
15	Tây Giang	45	45	45	45	45	30
16	Phước Sơn	45	45	45	45	45	30
17	Phú Ninh	45	45	45	45	45	30
18	Nông Sơn	45	45	45	45	45	30

UBND TỈNH QUẢNG NAM

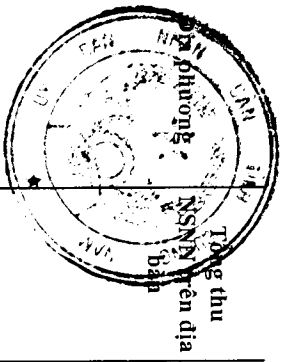
DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TUNG HUYỆN, THỊ XÁ, THÀNH PHỐ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 192 /BC-UBND ngày 03/12 /2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng theo phân cấp			Thu ngân sách cấp huyện, xã được cân đối chi	Số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Số bổ sung ngân sách tỉnh (bao gồm cấp lại nguồn tăng thu mới năm 2018 theo cơ chế)	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách cấp huyện, xã	
			Tổng số	Chia ra	Tổng số							Tổng số
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6=2-5	7	8	9	10	11=6+7+8+9+10
TỔNG CỘNG:		23.144.000	4.391.528	1.802.493	2.589.035	489.290	3.902.238	2.871.036	2.695.974	2.695.974	9.469.248	
1	Tam Kỳ	1.704.850	641.944	276.796	365.149		641.944	0	125.296		767.240	
2	Hội An	1.138.570	817.107	520.478	296.629		817.107	0	78.647		895.754	
3	Điện Bàn	2.385.750	1.175.257	181.143	994.114	449.396	725.861	0	252.411		978.272	
4	Núi Thành	15.653.750	496.612	110.229	386.383		496.612	0	172.463		669.075	
5	Duy Xuyên	511.800	197.913	68.195	129.718		197.913	276.385	171.478		645.776	
6	Đại Lộc	237.330	147.397	81.856	65.541		147.397	372.833	225.431		745.661	
7	Thăng Bình	264.590	126.604	76.401	50.203		126.604	433.844	222.928		783.376	
8	Phù Ninh	134.440	58.771	33.905	24.866		58.771	207.021	106.538		372.330	
9	Quế Sơn	87.970	57.882	35.008	22.874		57.882	262.528	185.078		505.488	
10	Nông Sơn	70.300	46.158	30.820	15.338		46.158	122.551	101.461		270.170	
11	Tiên Phước	52.000	32.697	17.443	15.254	6.238	26.459	277.243	154.743		458.445	
12	Hiệp Đức	22.450	14.461	8.481	5.980		14.461	208.061	118.865		341.387	
13	Nam Giang	235.830	160.918	103.586	57.332	23.975	136.943	82.223	118.892		338.058	
14	Phước Sơn	217.520	141.221	88.220	53.001	9.681	131.540	74.286	103.103		308.929	

TT	Tổng thu địa phương tên địa phương	Tổng số	Thu ngân sách huyện hương 100%	Thu ngân sách huyện hương từ các khoản thu phân chia (Theo phân cấp của HDND cấp tỉnh)	ngân sách cấp trên (nguồn tăng thu mới năm 2019)	Thu ngân sách cấp huyện, xã được cân đối chi	Số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	ngân sách tỉnh (bao gồm cấp lại nguồn tăng thu mới năm 2018 theo cơ chế)	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách cấp huyện, xã	
A	B	1	2=3+4	3	4	5	6=2-5	7	8	9	10	11=6+7+8+9+ 10
15	Đông Giang	240.190	150.996	84.647	66.349	150.996	16.112	116.877	283.985			
16	Tây Giang	24.390	17.815	14.333	3.482	17.815	197.788	128.562	344.165			
17	Bắc Trà My	127.410	82.337	51.202	31.135	82.337	174.054	171.072	427.463			
18	Nam Trà My	34.860	25.438	19.750	5.688	25.438	166.107	142.128	333.673			



Biểu số 43/CK-NSNN

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 192 /BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	2.695.974	102.040	2.593.934	-
1	Tam Kỳ	125.296	-	125.296	-
2	Hội An	78.647	-	78.647	-
3	Điện Bàn	252.411	67.409	185.002	-
4	Duy Xuyên	171.478	-	171.478	-
5	Đại Lộc	225.431	-	225.431	-
6	Núi Thành	172.463	-	172.463	-
7	Thăng Bình	222.928	-	222.928	-
8	Phú Ninh	106.538	-	106.538	-
9	Quế Sơn	185.078	3.548	181.530	-
10	Nông Sơn	101.461	-	101.461	-
11	Tiên Phước	154.743	3.339	151.404	-
12	Hiệp Đức	118.865	3.548	115.317	-
13	Nam Giang	118.892	3.596	115.296	-
14	Phước Sơn	103.103	5.364	97.739	-
15	Đông Giang	116.877	3.572	113.305	-
16	Tây Giang	128.562	3.791	124.771	-
17	Bắc Trà My	171.072	3.912	167.160	-
18	Nam Trà My	142.128	3.961	138.167	-

